

Bản án số: 702/2018/HS-PT

Ngày 18 – 12 – 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Đình Thanh

*Các thẩm phán:* Ông Đặng Quốc Khởi

Ông Võ Văn Khoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Lê Quỳnh -Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 07/2018/HSPT ngày 03/01/2018 đối với bị cáo Lê Đình Tr và bị cáo Nguyễn Trọng T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2017/HS-ST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

*Các bị cáo có kháng cáo:*

1. **Lê Đình Tr**, sinh năm 1975 tại tỉnh Bình Định; nơi ĐKKHKT: Tổ 5, phường ET, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú: Phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 12/12; nguyên Phó Chánh thanh tra Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Nông; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình Ch và bà Lương Thị Kh; có vợ là Phạm Thị Bích Th và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 13/10/2014 đến ngày 01/12/2015 và từ ngày 20/3/2017; (có mặt).

2. **Nguyễn Trọng T**, sinh năm 1979 tại tỉnh Bình Định; nơi ĐKKHKT: Thôn TH, xã TH, huyện TS, tỉnh Bình Định; tạm trú: Số 71 Đường 379, phường TNP A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lái xe; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phúc Ch1 và bà Từ Thị M; có vợ là Phạm Thị Th1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 13/11/2014 đến ngày 13/3/2015 và từ ngày 22/3/2017 đến ngày 28/4/2017, tại ngoại; (có mặt).

+ *Người bào chữa cho bị cáo Lê Đình Tr:* Ông Dương Lê S - Luật sư Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk, (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2013, qua công tác kiểm tra xe quá tải trọng trên đường từ Lối mở 751 (cửa khẩu phụ) ra Quốc lộ 14, Đội thanh tra giao thông do Lê Đình Tr phụ trách phát hiện 04 xe container (công ten nơ) do Nguyễn Trọng T là nhân viên Công ty TNHH HT (Công ty HT) thuê vận chuyển gỗ, từ Lối mở 751 đến Thành phố Hồ Chí Minh, có dấu hiệu vi phạm chở quá tải trọng nên đã cho dừng 04 xe trên để kiểm tra tải trọng. Qua kiểm tra xác định cả 04 xe công ten nơ trên đều vận chuyển gỗ quá tải trọng theo quy định trên tuyến đường Quốc lộ 14C, Đội thanh tra giao thông giữ 04 xe này lại trong thời gian từ 03 đến 04 ngày, nhưng sau đó không lập biên bản xử lý mà chỉ yêu cầu Toàn cam kết không tái phạm và cho đi vì các xe này vi phạm lần đầu. Qua sự việc này, T làm quen và lấy số điện thoại của Tr để nhờ giúp đỡ khi có xe lưu thông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Trong thời gian từ cuối năm 2013 đến tháng 3 năm 2014, T nhiều lần gọi điện thoại cho Tr để đặt vấn đề nhờ Tr giúp đỡ khi xe của T đi qua địa bàn tỉnh Đắk Nông. Ngày 20/3/2014, T thuê các xe biển kiểm soát 51K-5639 của ông Nguyễn Văn Gi, xe biển kiểm soát 51C-29878 và 51C-24081 của Công ty Cổ phần CL để vận chuyển gỗ cho ông Phan Hoàng T1 từ cửa khẩu BP, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông đến Cảng CL Thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi vận chuyển, T nhắn tin cho Tr với nội dung “51c29878, 51c24081, 57k5639 xe giu ho so” nhằm mục đích để Tr bỏ qua, không kiểm tra các xe vận chuyển gỗ này vì tất cả các xe này đều quá tải trọng giới hạn của đường theo quy định. Cụ thể, xe ô tô biển kiểm soát 51K-5639 chở 02 công ten nơ có tổng trọng lượng 44,66 tấn, xe ô tô biển kiểm soát 51C-29878 chở 01 công ten nơ có trọng lượng 29,15 tấn và xe biển kiểm soát 51C-24081 chở 02 công ten nơ có tổng trọng lượng 42,66 tấn. Tải trọng của các xe này khi chưa tính trọng lượng thân xe đều đã vượt quá tải trọng cho phép của Tỉnh lộ 1 đoạn đường từ huyện TĐ đến thị trấn KĐ, huyện ĐR (tải trọng đối với xe có tổng số trục bằng năm hoặc lớn hơn không quá 28 tấn), trong đó các xe biển kiểm soát 51C-24081, 51K-5539 vượt quá tải trọng cho phép của đường Quốc lộ 14 (tải trọng đối với xe có tổng số trục bằng năm hoặc lớn hơn không quá 40 tấn). Do đã được T báo trước nên Tr không chỉ đạo tiến hành kiểm tra nên cả 03 xe này không bị xử lý vì quá tải. Đến cuối tháng 3 năm 2014, Tr gọi điện thoại nói với T là Tr chuẩn bị đi tập huấn tại thành phố ĐL nhưng có khó khăn về tài chính nên nói T đưa cho Tr một ít tiền. Do thấy Tr đã giúp T không kiểm tra, xử lý các xe quá tải, hơn nữa trong thời gian này T vẫn đang vận chuyển gỗ từ cửa khẩu ĐP, cửa khẩu BP và Lối mở 751 về Cảng CL phải đi qua địa phận tỉnh Đắk Nông do Tr quản lý nên T đồng ý chuyển tiền cho Tr. Ngày 01/4/2014, T nhờ anh Phạm Hồng Th2 (là em vợ của T) nộp vào tài khoản số

5307205076905 của Tr mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh thị xã GN số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 04/4/2014, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đắk Nông có Quyết định số: 496/QĐ-UBND về việc thành lập Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (gọi tắt là Trạm KTTTX lưu động số 56; Trạm cân lưu động số 56; Trạm cân), Lê Đình Tr được bổ nhiệm làm Trạm trưởng. Ngày 15/5/2014, Tr gọi điện thoại cho T nói Tr đang bị bệnh, hiện Trg đang ở tại Trạm cân lưu động số 56 và nói T giúp cho Tr một ít tiền. T tính toán những chuyến xe đã chạy trong khoảng thời gian tháng 4 và đầu tháng 5 năm 2014 đã được Tr bỏ qua không kiểm tra và cũng là để duy trì quan hệ để Tr sẽ tiếp tục giúp trong những tháng tiếp. Ngày 15/5/2014, T đã gọi điện cho chị Phạm Thị Th1 (vợ của Toàn) chuyển số tiền 15.000.000 đồng vào tài khoản số 5307205076905 của Trọng. Do đã từng nghe Toàn nói Trọng công tác tại Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Nông, có quyền kiểm tra, xử lý xe vi phạm trên đường nên khi chuyển tiền chị Th1 đã tự ghi nội dung chuyển tiền là “*thanh toán tiền luật trên đường*” và ghi người chuyển tiền là T cùng số điện thoại vì sợ Tr không biết ai gửi tiền.

Tháng 7 năm 2014, T thuê xe vận chuyển 03 chuyến gỗ từ cửa khẩu BP đi qua Tỉnh lộ 1 và Quốc lộ 14 về Cảng CL, T đã điện thoại nhờ Tr không kiểm tra tải trọng các xe này khi đi qua Trạm KTTTX lưu động số 56 thì Tr đồng ý. Sau đó, cả 03 xe chở gỗ nói trên của T đều đi qua trạm mà không bị kiểm tra tải trọng.

Qua kiểm tra các chứng từ vận chuyển, hồ sơ kê khai thuế và xác nhận của đơn vị thuê vận chuyển và các tờ khai hải quan của Công ty TNHH HT thể hiện trong khoảng thời gian từ tháng 3/2014 đến tháng 10/2014, xe của Công ty HT và xe do T thuê đã chở tổng cộng 89 chuyến dầu ăn trên tuyến Quốc lộ 14 giao cho các doanh nghiệp, siêu thị tại các tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai và Kon Tum, 99 chuyến xe chở 118 công ten nơ chở gỗ cho ông Phan Hoàng T1, Công ty TNHH TP, Công ty TNHH TStừ cửa khẩu BP, cửa khẩu ĐP và Lối mở 751 về Cảng CL, trong đó có 77 chuyến xe quá tải Tỉnh lộ 1 và 18 chuyến xe quá tải Quốc lộ 14 (có những chuyến quá tải tới gần 02 lần so với tải trọng cho phép tại đường Tỉnh lộ 1) nhưng toàn bộ các chuyến xe này đều không bị kiểm tra, xử lý.

Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 thẻ ATM Agribank số 9704050695769468, 01 điện thoại Nokia, hiệu X1- 01 và 01 điện thoại Iphone của Lê Đình Tr; 01 điện thoại Iphone 5 của Nguyễn Trọng T; gia đình bị can Lê Đình Tr đã tự nguyện giao nộp số tiền 20.000.000 đồng.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2017/HS-ST ngày 23/11/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:*

1. Tuyên bố bị cáo Lê Đình Tr phạm tội “*Nhận hối lộ*” và bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “*Đưa hối lộ*”.

1.1. Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 279; điểm s khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của

Quốc hội hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt Lê Đình Tr 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 20/3/2017 và được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 13/10/2014 đến ngày 01/12/2015.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 279 của Bộ luật Hình sự năm 1999, cấm bị cáo Lê Đình Tr đảm nhiệm chức vụ trong 05 (năm) năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

1.2. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 289; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt Nguyễn Trọng T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 13/11/2014 đến ngày 13/3/2015 và từ ngày 22/3/2017 đến ngày 28/4/2017.

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) do bị cáo Lê Đình Tr phạm tội mà có và được trừ vào số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) gia đình bị cáo đã nộp; tịch thu sung quỹ Nhà nước 03 điện thoại di động (*có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2015 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông*); trả lại 01 thẻ ATM cho bị cáo Lê Đình Tr (*có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2015*).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Đình Tr và Nguyễn Trọng T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/11/2017, bị cáo Lê Đình Tr có đơn kháng cáo kêu oan, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố bị cáo không phạm tội, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, với lý do: Bị cáo không biết ai chuyển cho bị cáo số tiền 5000.000 đồng vào ngày 01/4/2014, sau này mới biết đây là tiền của T chuyển cho bị cáo; còn đối với số tiền 15.000.000 đồng mà bị cáo T nhờ người chuyển cho bị cáo là tiền bị cáo mượn để làm nhà, số tiền này bị cáo vẫn chưa sử dụng và đã hoàn trả lại cho T ngay sau khi được tại ngoại ở lần xét xử sơ thẩm lần thứ nhất. Các phiên tòa đã chứng minh bị cáo không phạm tội nhận hối lộ, các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo là không có, quan

điểm buộc tội không đúng, luôn áp đặt và suy đoán bất lợi cho bị cáo, không đúng với quy định về tố tụng hình sự.

Ngày 05/12/2017, bị cáo Nguyễn Trọng T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Bị cáo T và bị cáo Tr là anh em đồng hương. Lúc bị cáo gặp khó khăn thì bị cáo Tr đã cho bị cáo mượn trước 5.000.000 đồng. Do trong quan hệ tình cảm anh em “*có trước, có sau*” nên ngoài số tiền đã trả do mượn trước đó thì bị cáo có chuyển cho bị cáo Tr 5.000.000 đồng nữa với mục đích là “*trả nghĩa*” cho bị cáo Tr. Sau đó, lúc bị cáo Tr đau ốm, có khó khăn về tiền bạc và có điện cho bị cáo thì bị cáo đã nói vợ bị cáo chuyển cho bị cáo Tr 15.000.000 đồng mà không có thỏa thuận, không yêu cầu bị cáo Tr “*làm hoặc không làm bất cứ điều gì*” có liên quan đến chức trách của bị cáo Tr khi đó. Bị cáo chỉ là nhân viên của Công ty HT, không phải là chủ hàng, chỉ là người gọi xe vào vận chuyển để hưởng hoa hồng. Vì vậy, các xe này có quá tải cũng không ảnh hưởng gì đến bị cáo. Cấp sơ thẩm đã điều tra, truy tố, xét xử mang tính áp đặt, suy đoán theo hướng bất lợi cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Đình Tr vẫn giữ nguyên kháng cáo kêu oan, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không phạm tội và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Trọng T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm:* Từ ngày 30/12/2013, Lê Đình Tr – Phó Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Nông được phân công phụ trách Đội thanh tra giao thông số 3. Đến ngày 16/4/2014, bị cáo Tr còn được giao nhiệm vụ Trưởng trạm KTTTX lưu động số 56, có nhiệm vụ và quyền hạn: Dừng phương tiện là xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng, xe bánh xích... có dấu hiệu vi phạm chở hàng quá khổ, quá tải đưa xe vào nơi quy định để kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định.

Bị cáo Tr đã 02 lần nhận tiền của bị cáo T (lần thứ nhất 5.000.000 đồng và lần thứ hai 15.000.000 đồng). Theo đó, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2014 đến tháng 10/2014, các xe của Công ty HT và xe do T thuê chở gỗ từ cửa khẩu BP, cửa khẩu ĐP và Lối mở 751 về Cảng CL, trong đó có 77 chuyến xe quá tải Tỉnh lộ 1 và 18 chuyến xe quá tải Quốc lộ 14 (có những chuyến quá tải tới gần 02 lần so với tải trọng cho phép tại đường Tỉnh lộ 1) nhưng đều không bị kiểm tra, xử lý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Đình Tr phạm tội “*Nhận hối lộ*” và bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “*Đưa hối lộ*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Đình Tr kháng cáo kêu oan, nhưng không có chứng cứ, tình tiết nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tr, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Trọng T đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Theo đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp

nhận, giảm một phần hình phạt cho bị cáo T, xử phạt bị cáo với mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

*Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Đình Tr không đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên và trình bày tranh luận với các nội dung:*

Trong quá trình điều tra lại, cấp sơ thẩm đã không thực hiện những yêu cầu của bản án phúc thẩm trước đó đã hủy bản án sơ thẩm lần trước, nay tiếp tục vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đó là việc, trong hồ sơ vụ án, có nhiều tài liệu không đảm bảo tính hợp pháp vì là bản photo, bản in không có con dấu và chữ ký của cơ quan chức năng, tập trung chủ yếu là các chứng cứ chứng minh xe quá khổ, quá tải, chứng cứ xử lý vi phạm hành chính. Hơn 20 bản Sơ đồ trạm cân được những người có liên quan vẽ lại, nhưng đều vi phạm nghiêm trọng Điều 95 của Bộ luật Tố tụng hình sự, vì các tài liệu này không có ngày, tháng, năm, nên không có giá trị pháp lý.

Cấp sơ thẩm dựa vào lời khai của bị cáo T tại 2 bản tường trình có nội dung T thừa nhận có đưa tiền để Lê Đình Tr bỏ qua các lỗi xe quá tải (BL 2677-2679) để kết tội bị cáo Tr. Tuy nhiên, qua xem xét thì có dấu hiệu của sự thông cung, mớm cung, dụ cung và thậm trí còn bị ép buộc lời khai để đạt được mục đích là nhận tội. Hơn nữa, chứng cứ nhận tội lại mâu thuẫn với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Trạm cân lưu động số 56 được thành lập ngày 16/4/2014 là sau ngày bị cáo T nhắn tin cho bị cáo Tr (ngày 20/3/2014) với nội dung “51c29878, 51c24081, 57k5639 xe giu ho so” nên tại thời điểm này, bị cáo Tr không có quyền dừng xe. Vì theo Lịch công tác thì ngày 20/3/2014 bị cáo Tr được phân công làm việc tại trụ sở, nên trách nhiệm này thuộc về Đội trưởng Đội thanh tra giao thông số 3. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không đổi chất làm rõ việc này mà đã quy kết bị cáo Tr có thẩm quyền, nhưng không chỉ đạo tiến hành việc kiểm tra xử lý vi phạm quá tải đối với 03 xe do T nhờ, thông qua việc nhắn tin, là chưa đủ căn cứ. Mặt khác, cũng không có biên bản, tài liệu, chứng cứ nào xác định các xe trên quá tải trọng.

Đối với hành vi xảy ra tại Trạm cân lưu động số 56: Quá trình hoạt động thì Trạm cân chỉ được cân một chiều nhất định, không được cân hai chiều. Căn cứ vào thời gian, địa điểm đặt Trạm cân thì tất cả các chuyến xe vận chuyển gỗ mà cấp sơ thẩm nhận định là quá khổ, quá tải, nhưng Trạm cân lưu động số 56 không xử lý, là do các chuyến xe này đều chạy theo hướng ngược lại, cách xa Trạm cân, vào thời điểm từ tháng 4 đến tháng 6/2014 các xe chạy cách xa Trạm cân khoảng 120 km.

Quá trình điều tra lại thì lực lượng Cảnh sát giao thông đều khẳng định không có ai chỉ đạo họ dừng xe, nên họ không được dừng xe có dấu hiệu vi phạm. Thế nhưng, tại Quyết định số 497 ngày 04/4/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông quy định về quy chế phối hợp các lực lượng hoạt động tại Trạm cân 56 quy định: *Lực lượng cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ tại Trạm thực hiện việc dừng xe, buộc các xe có dấu hiệu vi phạm phải chấp hành vào vị trí kiểm tra hoặc thông báo cho các lực lượng khác trên địa bàn tỉnh buộc các xe vượt trạm quay về trạm để xử lý.* Tại Trạm cân còn có sự tham gia phối hợp

của lực lượng kiểm soát quân sự để dừng xe quân sự có dấu hiệu vi phạm. Song, Cơ quan điều tra không lấy lời khai của các quân nhân được phân công trực tại Trạm cân là thiếu sót mà tại phiên tòa không thể khắc phục được.

Như vậy, không có chứng cứ để quy kết Lê Đình Tr có thẩm quyền chỉ đạo việc dừng xe kiểm tra, xử lý xe quá khổ, quá tải, nhưng bị cáo không thực hiện để bỏ qua các lỗi xe quá tải của Công ty HT.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng mà cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Tr nhận hối lộ: Bị cáo không biết ai chuyển cho bị cáo số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 01/4/2014, sau này mới biết đây là tiền của bị cáo T chuyển để trả ơn nghĩa do trước đó bị cáo đã cho bị cáo T mượn 5.000.000 đồng; còn đối với số tiền 15.000.000 đồng mà bị cáo T nhờ người chuyển cho bị cáo là tiền bị cáo mượn để làm nhà, số tiền này bị cáo vẫn chưa sử dụng và đã hoàn trả lại cho T ngay sau khi được tại ngoại ở lần xét xử sơ thẩm lần thứ nhất. Bị cáo T chỉ là người gọi xe cho Công ty HT để hưởng chênh lệch, một mình T không thể đi theo hàng trăm xe, trường hợp xe chở quá tải theo quy định thì chủ xe và chủ phương tiện phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Không đủ chứng cứ chứng minh 20.000.000 đồng nêu trên là tiền bị cáo Lê Đình Tr nhận hối lộ, nhưng cấp sơ thẩm luôn áp đặt và suy đoán bất lợi cho bị cáo Tr, không đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Do đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên bố bị cáo Lê Đình Tr không phạm tội nhận hối lộ, tuyên trả tự do cho bị cáo Tr ngay tại phiên tòa và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

*Trong phần đối đáp lại những ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Đình Tr, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày:* Việc bị cáo Tr 02 lần nhận tiền của bị cáo T (lần thứ nhất 5000.000 đồng và lần thứ hai 15.000.000 đồng) có quan hệ chặt chẽ với việc bị cáo Tr thực hiện chức vụ, quyền hạn được giao. Bị cáo Tr đã nhận tiền của bị cáo T để cho xe quá tải của Công ty của T không bị dừng xe kiểm tra, xử lý theo quy định. Xe quá tải phụ thuộc vào tuyến đường xe chạy qua. Luật sư bào chữa cho bị cáo Tr cho rằng phải cân thì mới biết được xe quá tải là không đúng, vì qua xem xét các tài liệu liên quan đến hàng hóa, hồ sơ từng chuyến hàng cũng đủ căn cứ xác định việc xe quá tải. Trạm cân đặt ở vị trí nào là do yêu cầu của tình hình thực tế, dừng xe nào để cân kiểm tra là do lãnh đạo Trạm cân quyết định, trong đó bị cáo Tr là Trạm trưởng. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các bị cáo và bào chữa của Luật sư cho bị cáo Tr, đủ căn cứ kết luận việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Lê Đình Tr phạm tội “*Nhận hối lộ*” là đúng người, đúng tội theo quy định pháp luật, không oan cho bị cáo. Theo đó, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tr, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Đình Tr và Nguyễn Trọng T nộp trong thời hạn, đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Đình Tr vẫn giữ nguyên kháng cáo kêu oan, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không phạm tội và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Trọng T thay đổi, bổ sung kháng cáo yêu cầu xin được giảm nhẹ hình phạt. Xét việc thay đổi, bổ sung kháng cáo của bị cáo T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Đình Tr và Nguyễn Trọng T tại phiên tòa phúc thẩm, như sau:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp lệ.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Theo Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 18/6/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông thì Lê Đình Tr được bổ nhiệm vào ngạch Thanh tra viên từ ngày 18/6/2012. Theo Quyết định số: 294/PC-TTS và Phân công nhiệm vụ số: 295/PC-TTS ngày 30/12/2013 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Nông, thì Lê Đình Tr với chức vụ là Phó Chánh thanh tra được phân công trực tiếp phụ trách theo dõi, chỉ đạo hoạt động công tác thanh tra chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, trong đó có lĩnh vực hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải; đồng thời, phụ trách Đội thanh tra giao thông số 3. Đội thanh tra giao thông số 3 được giao nhiệm vụ quản lý các tuyến đường trên địa bàn, trong đó có đường Tỉnh lộ 1.

[2.2] Ngày 04/4/2014, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số: 496/QĐ-UBND về việc thành lập Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trực thuộc Sở Giao thông vận tải, do Thanh tra Sở Giao thông vận tải trực tiếp quản lý điều hành khai thác, sử dụng.

Tại Điều 5 của Quy chế phối hợp ban hành kèm theo Quyết định số: 497/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông quy định về trách nhiệm, nhiệm vụ của Trạm KTTTX lưu động: *Dừng phương tiện (xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng, xe bánh xích...) có dấu hiệu vi phạm chở hàng quá khổ, quá tải đưa xe vào nơi quy định để: Kiểm tra tải trọng và khối giới hạn (theo đăng ký xe hoặc Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật,*

*bảo vệ môi trường và tải trọng cầu, đường bộ); kiểm tra điều kiện kinh doanh vận tải và người điều khiển phương tiện theo quy định (đăng ký, đăng kiểm, bảo hiểm, giấy phép lái xe, phù hiệu và thiết bị giám sát hành trình xe Công ten nơ, các điều kiện đảm bảo an toàn tình trạng kỹ thuật xe...); xử lý đối với vi phạm khác theo quy định.*

Tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế phối hợp ban hành kèm theo Quyết định số: 497/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông có quy định về nhiệm vụ, trách nhiệm của Trạm trưởng: *Tổ chức điều hành hoạt động và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trạm KTTTX lưu động theo quy định của pháp luật hiện hành và quy chế các cơ quan cấp trên. Phân công nhiệm vụ cho Phó Trạm trưởng, Ca trưởng, nhân viên kỹ thuật cân và các lực lượng tham gia phối hợp tại Trạm.*

Đồng thời, ngày 04/4/2014, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Kế hoạch số: 113/KH-UBND về việc phối hợp kiểm soát, xử lý các phương tiện vi phạm vận chuyển hàng quá khổ, quá tải trọng trên đường bộ bằng trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Kế hoạch số 113/KH-UBND). Tại tiểu mục 2.2 mục 2 phần II của Kế hoạch số 113/KH-UBND quy định về phương thức hoạt động của Trạm kiểm tra tải trọng: *Tùy theo tình hình thực tế về mật độ phương tiện, vị trí đặt trạm và các điều kiện đảm bảo trật tự an toàn giao thông, Trạm trưởng, Phó Trạm trưởng Trạm KTTX lưu động quyết định thời gian làm việc trong ngày và quyết định việc dừng xe theo dấu hiệu vi phạm hoặc tất cả các xe vận chuyển hàng hóa.*

[2.3] Theo Quyết định số 955/QĐ-SGTVT Ngày 26/4/2014 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Nông thì Lê Đình Tr được giao nhiệm vụ làm Trạm trưởng Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động số 56.

[2.4] Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận, từ ngày 30/12/2013, Lê Đình Tr – Phó Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Nông được phân công trực tiếp phụ trách theo dõi, chỉ đạo hoạt động công tác thanh tra chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, trong đó có lĩnh vực hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải; đồng thời, được phân công phụ trách Đội thanh tra giao thông số 3 có nhiệm vụ quản lý các tuyến đường trên địa bàn, trong đó có đường Tỉnh lộ 1. Đến ngày 16/4/2014, bị cáo Tr còn được giao nhiệm vụ làm Trạm trưởng Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động số 56, có nhiệm vụ và quyền hạn: *Dừng các phương tiện là xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng, xe bánh xích... có dấu hiệu vi phạm chở hàng quá khổ, quá tải trọng đưa xe vào nơi quy định để kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định.*

[2.5] Giữa bị cáo Lê Đình Tr và bị cáo Nguyễn Trọng T đã có mối quan hệ quen biết từ cuối năm 2013, qua công tác kiểm tra xe quá tải trọng trên đường từ Lối mở 751 ra Quốc lộ 14 thì Đội thanh tra giao thông do Lê Đình Tr phụ trách phát hiện, kiểm tra và xác định 04 xe Container do Nguyễn Trọng T là nhân viên của Công ty HT thuê vận chuyển gỗ quá tải trọng theo quy định trên tuyến đường Quốc lộ 14C, nhưng không lập biên bản xử lý mà chỉ yêu cầu cam kết không tái phạm. Tại đây, T gặp Tr nên trao đổi số điện thoại di động và sau đó thường xuyên trao đổi điện thoại với nhau hỏi thăm

sức khỏe, tình hình công việc. Qua đó, T biết được Tr là người có thẩm quyền kiểm tra các vi phạm liên quan đến hoạt động vận tải hàng hóa thuộc địa giới hành chính tỉnh Đắk Nông.

[2.5a] Ngày 20/3/2014, T có nhắn tin cho Tr với nội dung “51c29878, 51c24081, 57k5639 xe giu ho so”. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T khai: Ngày 20/3/2014, T thuê các xe biển kiểm soát 51K-5639, 51C-29878 và 51C-24081 để vận chuyển gỗ cho ông Phan Hoàng T1 từ cửa khẩu BP, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông đến Cảng CL Thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi vận chuyển, T nhắn tin cho Tr với nội dung như trên với mục đích để Tr bỏ qua, không kiểm tra các xe vận chuyển gỗ vì đều quá tải trọng cho phép của Tỉnh lộ 1 đoạn từ TĐ đến thị trấn KĐ, huyện ĐR và đoạn Quốc lộ 14 qua tỉnh Đắk Nông. Lời khai này của bị cáo T phù hợp với tài liệu thu thập được tại Chi cục Hải quan BP, Trung tâm điều độ Cảng CL Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ngày 20/3/2014 các xe tải biển kiểm soát 51c29878, 51c24081, 57k5639 vận chuyển gỗ quá tải đường Tỉnh lộ 1, Quốc lộ 14 từ cửa khẩu BP về Cảng CL Thành phố Hồ Chí Minh (theo kết quả cân xe của Trung tâm điều độ Cảng CL Thành phố Hồ Chí Minh thì tải trọng xe tải biển kiểm soát 51c29878 quá tải đường Tỉnh lộ 1, tải trọng 02 xe tải biển kiểm soát 51c24081, 57k5639 quá tải trọng Quốc lộ). Mặt khác, lời khai của bị cáo T còn phù hợp với lời khai của các thành viên Đội thanh tra giao thông số 3 xác định trong thời gian Lê Đình Tr được giao nhiệm vụ phụ trách Đội thanh tra giao thông số 3, nhưng Tr không có chỉ đạo Đội thanh tra giao thông số 3 thực hiện nhiệm vụ phát hiện, xử lý xe của Công ty HT vận chuyển hàng hóa quá tải trọng lưu thông trên các tuyến đường Tỉnh lộ 1.

[2.5b] Bị cáo T khai, đến cuối tháng 3 năm 2014, Tr gọi điện thoại cho T với nội dung là Tr chuẩn bị đi tập huấn tại ĐL nhưng có khó khăn về tài chính nên nói T đưa cho Tr một ít tiền. Do thấy Tr đã giúp không kiểm tra, xử lý các xe vận chuyển gỗ theo đề nghị của T, ngoài ra trong thời gian này T vẫn còn đang vận chuyển gỗ phải đi qua địa giới tỉnh Đắk Nông do Tr quản lý. Do vậy, ngày 01/4/2014, T nhờ anh Phạm Hồng Th2 (là em vợ của T) nộp vào tài khoản số 5307205076905 của Tr mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh thị xã GN số tiền 5.000.000 đồng.

Qua đó xét việc bị cáo Tr cho rằng, bị cáo không biết ai chuyển cho bị cáo số tiền là 5.000.000 đồng vào ngày 01/4/2014, sau này mới biết đây là tiền của bị cáo T chuyển để trả ơn nghĩa do trước đó bị cáo đã cho bị cáo T mượn 5.000.000 đồng, là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.5c] Bị cáo T khai, ngày 15/5/2014, theo yêu cầu của Tr, T đã gọi điện cho vợ là Phạm Thị Th1 nộp số tiền 15.000.000 đồng vào tài khoản số 5307205076905 của Tr. Mục đích của việc T chỉ đạo cho vợ là Nguyễn Thị Th1 chuyển số tiền trên để Tr tạo thuận lợi, không kiểm tra xe của Công ty HT khi vận chuyển hàng hóa trên đường. Khi chuyển tiền cho Tr, chị Th1 ghi nội dung chuyển tiền là “Thanh toán tiền luật trên đường”. Mặc dù, theo lời khai của chị Th thì việc ghi nội dung như trên là chị Th tự viết, nhưng do trước đó chị Th đã được T cho biết T có quen Lê Đình Tr làm bên giao thông, có quyền kiểm tra, xử lý xe trên đường, nên chị Th nghĩ T chuyển tiền cho Tr

để Tr tạo thuận lợi, không kiểm tra xe của Công ty HT khi vận chuyển hàng hóa trên đường.

Qua đó xét việc bị cáo Tr cho rằng, số tiền 15.000.000 đồng mà bị cáo T nhờ người chuyển cho bị cáo là tiền bị cáo mượn để làm nhà, là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.5d] Sau đó, trong tháng 7 năm 2014, T có điện thoại cho Tr với nội dung nhờ Tr không kiểm tra 03 xe ô tô chở gỗ của T thuê đi từ Cửa khẩu BP, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông đến Cảng CL Thành phố Hồ Chí Minh để kịp giờ nhập cảng và đã được Tr đồng ý.

[2.5đ] Căn cứ theo chứng từ vận chuyển, hồ sơ kê khai thuế và xác nhận của đơn vị thuê vận chuyển của Công ty TNHH HT thì trong thời gian từ tháng 3/2014 đến tháng 10/2014, xe Công ty HT và xe của Công ty HT thuê ngoài chở tổng cộng 89 chuyến dầu ăn trên tuyến Quốc lộ 14 giao cho các doanh nghiệp, siêu thị tại các tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum. Ngoài số xe vận chuyển dầu ăn, trong thời gian từ tháng 3/2014 đến tháng 8/2014, thì Nguyễn Trọng T còn trực tiếp sử dụng xe của Công ty HT vận chuyển, thuê xe của cá nhân và các đơn vị khác vận chuyển tổng cộng 99 chuyến xe chở 118 container gỗ cho ông Phan Hoàng T1, Công ty TNHH TP, Công ty TNHH TStừ cửa khẩu BP, cửa khẩu Đắk Peur và Lối mở 751 về Cảng CL Thành phố Hồ Chí Minh. Theo tờ khai hải quan thể hiện việc nhập, xuất gỗ mà ông Phan Hoàng T1 đang lưu giữ và cung cấp cho Cơ quan điều tra thì có 92 container được tái xuất ra nước ngoài (Hong Kông - Trung Quốc). Qua kết quả làm việc với Trung tâm điều độ Cảng CL thể hiện, trong 99 chuyến vận chuyển gỗ nêu trên thì có tổng cộng 77 chuyến xe quá tải Tỉnh lộ 1, trong đó có 18 chuyến xe quá tải Quốc lộ 14. Có những chuyến xe quá tải tới gần 200% so với tải trọng cho phép tại đường Tỉnh lộ 1, nhưng toàn bộ các chuyến xe này đều không bị Thanh tra Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Nông kiểm tra, xử lý.

[2.5e] Qua kết quả ghi lời khai của các cán bộ Cảnh sát giao thông thể hiện: Các cán bộ Cảnh sát giao thông không tự ý dừng xe mà thực hiện theo chỉ đạo của Lê Đình Tr – Trạm trưởng, Phó Trạm trưởng, trường hợp không có Trạm trưởng, Phó Trạm trưởng thì thực hiện theo chỉ đạo của Ca trưởng ca trực. Lời khai này phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Cảnh sát giao thông thực hiện nhiệm vụ tại Trạm KTTTX lưu động 56 theo quy định của Kế hoạch số 113/KH-UBND: *“Lực lượng Cảnh sát giao thông thực hiện việc dừng xe, buộc các xe có dấu hiệu vi phạm phải chấp hành vào vị trí kiểm tra. Việc dừng xe để kiểm tra tải trọng, khổ giới hạn khi có dấu hiệu vi phạm hoặc tất cả các xe vận chuyển hàng thực hiện theo chỉ đạo của lãnh đạo Trạm”*. Đồng thời, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quy định về tổ chức và quy chế phối hợp các lực lượng hoạt động tại Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định: 497/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông: *Các lực lượng tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ tuân thủ theo sự phân công điều hành trực tiếp của Lãnh đạo Trạm KTTTX lưu động*. Hơn nữa, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 8 Quy định về việc quản lý hoạt động Trạm kiểm tra tải trọng

xe lưu động (Ban hành kèm theo Quyết định số: 2919/QĐ-BGTVT ngày 24/9/2013 của Bộ Giao thông vận tải: *Các lực lượng tham gia phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tuân thủ theo sự phân công điều hành trực tiếp của người được giao phụ trách thực hiện Kế hoạch kiểm soát tải trọng xe; khi giải quyết và xử lý công việc nếu có ý kiến khác nhau giữa các thành viên của mỗi ngành, người được giao phụ trách thực hiện Kế hoạch kiểm soát tải trọng xe được quyền quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình, nếu vượt quá thẩm quyền phải báo cáo cấp trên giải quyết.*

Trong khi đó, với chức vụ Trạm trưởng Trạm KTTTX lưu động 56, Lê Đình Tr là “*người tổ chức điều hành hoạt động của Trạm, phân công nhiệm vụ cho Phó Trạm trưởng, Ca trưởng, nhân viên kỹ thuật cân và các lực lượng tham gia phối hợp tại Trạm*”, còn Phó Trạm trưởng có nhiệm vụ “*Thực hiện lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của Trạm KTTTX Lưu động theo sự phân công của Trạm trưởng*”, nên Lê Đình Tr phải chịu trách nhiệm về việc các xe của công ty HT qua Trạm KTTTX lưu động 56, trong thời gian từ tháng 4 - 8/2014, nhưng không bị dừng xe, cân xe.

[2.5g] Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2014 đến tháng 8/2014, Lê Đình Tr – Phó Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Nông được phân công trực tiếp phụ trách theo dõi, chỉ đạo hoạt động công tác thanh tra chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, trong đó có lĩnh vực hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải; đồng thời, phụ trách Đội thanh tra giao thông số 3 có nhiệm vụ quản lý các tuyến Quốc lộ và Tỉnh lộ thuộc địa bàn; rồi được giao nhiệm vụ làm Trạm trưởng Trạm KTTTX lưu động 56. Nhưng Lê Đình Tr đã hai lần nhận tiền của bị cáo Nguyễn Trọng T (*nhân viên của Công ty TNHH HT, kinh doanh vận tải*), vào ngày 01/4/2015 và ngày 15-5-2014, thông qua tài khoản cá nhân số 5307205076905 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh thị xã GN với tổng số tiền 20.000.000 đồng, trong đó lần thứ nhất nhận 5.000.000 đồng và lần thứ hai nhận 15.000.000 đồng, để không thực hiện kiểm tra, xử lý đối với các xe quá tải trọng của Công ty TNHH HT theo quy định khi đi qua các tuyến đường Tỉnh lộ 1 và Quốc lộ 14 thuộc tỉnh Đắk Nông thuộc trách nhiệm và quyền hạn của bị cáo Tr theo sự phân công và giao nhiệm vụ nêu trên.

[2.6] Từ những phân tích, nhận định nêu trên xét thấy, hành vi của bị cáo Lê Đình Tr đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Nhận hối lộ*” theo các điểm c, e khoản 2 Điều 279 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, chính sách hình sự của Nhà nước ta có sự thay đổi theo hướng có lợi cho bị cáo, cụ thể là theo quy định tại Điều 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để kết án bị cáo Tr theo điểm đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và xử phạt bị cáo Tr 07 (bảy) năm tù, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan cho bị cáo.

[2.7] Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định về hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Tr là đúng quy định pháp luật.

[2.8] Xét những lý do kháng cáo kêu oan của bị cáo bị cáo Lê Đình Tr và ý kiến quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Tr tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết nào mới, không đủ cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Lê Đình Tr; giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Tr.

[2.9] Đồng thời, xét hành vi của bị cáo Nguyễn Trọng T như trên đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Đưa hối lộ” theo các điểm d, đ khoản 2 Điều 289 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, do chính sách hình sự của Nhà nước ta có sự thay đổi theo hướng có lợi cho bị cáo, cụ thể là theo quy định tại Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để kết án bị cáo T theo điểm đ khoản 2 Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2.10] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Trọng T:

[2.10a] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét thấy, lời khai của bị cáo T tại phiên tòa sơ thẩm và tại Cơ quan điều tra cơ bản phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, nên đã áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để giảm nhẹ một phần hình cho bị cáo là đúng. Tuy nhiên, trong vụ án này, xét việc bị cáo T phạm tội trong điều kiện, hoàn cảnh do bị cáo Tr yêu cầu mang tính ép đưa hối lộ; trước khi phạm tội, bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Song, khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét áp dụng khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để giảm nhẹ thêm một phần hình cho bị cáo là thiếu sót.

[2.10b] Đánh giá về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo Nguyễn Trọng T, hậu quả đã xảy ra, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các tình tiết khác của vụ án, thì việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T mức án 03 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Mặt khác, xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo T chưa thực sự ăn năn hối cải. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, thể hiện rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên cũng cần có sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo T trong trường hợp này, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Trọng T, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo T,

xử phạt bị cáo mức án đủ đảm bảo giáo dục, cải tạo riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

[3.1] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Đình Tr phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3.2] Bị cáo Nguyễn Trọng T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đình Tr; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Trọng T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2017/HS-ST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về phân hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Trọng T:

Tuyên bố bị cáo Lê Đình Tr phạm tội “*Nhận hối lộ*” và bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “*Đưa hối lộ*”.

1. Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 279; điểm s khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

+ Xử phạt bị cáo Lê Đình Tr 07 (bảy) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 20/3/2017, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 13/10/2014 đến ngày 01/12/2015.

+ Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 279 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; cấm bị cáo Lê Đình Tr đảm nhiệm chức vụ trong 05 (năm) năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

2. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 289; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 13/11/2014 đến ngày 13/3/2015 và từ ngày 22/3/2017 đến ngày 28/4/2017.

3. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) do bị cáo Lê Đình Tr phạm tội mà có và được trừ vào số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) gia đình bị cáo đã nộp; tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động đã thu giữ của bị cáo Lê Đình Tr (*có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2015 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông*); trả lại 01 thẻ ATM cho bị cáo Lê Đình Tr (*có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2015*).

4. Về án phí hình sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Đình Tr phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí hình sự phúc thẩm:

+ Bị cáo Lê Đình Tr phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

+ Bị các Nguyễn Trọng T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 18 tháng 12 năm 2018.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Công an tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo tạm giam (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Bị cáo tại ngoại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Đình Thanh**